

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY



Môn: Giáo dục Quốc phòng – An ninh – Lớp 11

Bài 3: Phòng, chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì
hội nhập quốc tế

Nguồn sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

Năm học: 2025 – 2026

Giáo viên: Lê Kim Trường

Phú Thuận, tháng 10 năm 2025

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN

PHÊ DUYỆT

Ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Giáo dục Quốc phòng – An ninh – Lớp 11

**Bài 3: Phòng, chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong
thời kì hội nhập quốc tế**

Nguồn sách: Kết nối tri thức với cuộc sống.

Năm học: 2025 – 2026

Tổ trưởng chuyên môn

Người thực hiện

Nguyễn Duy Thân

Lê Kim Trường

Đại Lộc, tháng 10 năm 2025

Bài 3: Phòng, chống tệ nạn xã hội ở VN trong thời kì hội nhập quốc tế

Thời gian thực hiện: 2 tiết lý thuyết (1 tiết/tuần)

KẾ HOẠCH SỐ 5

(Tiết PPCT 5)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Về kiến thức: HS hiểu được một số nội dung cơ bản về tội phạm và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.
- Về năng lực: HS biết tự chủ về học tập, biết phối hợp với nhóm để giải quyết vấn đề.
- Về phẩm chất: Thông qua bài học, HS hiểu và cảnh giác được các loại tội phạm sử dụng CNC

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.
- Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
Hoạt động 1: Khởi động		
1. Mục tiêu: HS biết được những hành vi vi phạm pháp luật của tội phạm sử dụng công nghệ cao. 2. Nội dung: Nội dung nào phản ánh không đúng về khái niệm “tội phạm sử dụng công nghệ cao”?		
1 Chuyển giao NVHT - GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để sinh hoạt, thảo luận, phát biểu theo nhóm/tổ. - Câu 1: Nội dung nào sau đây...nghe cao”? 4 Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận, kết luận vấn đề.	2 Thực hiện NVHT - Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề GV đưa ra. 3 Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu	Câu 1: A. Là những hành vi vi phạm pháp luật hình sự B. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện. C. Do người mất năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện. D. Xâm phạm trật tự, an toàn thông tin, tổn hại lợi ích Nhà nước.
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: HS hiểu được một số nội dung cơ bản về tội phạm và biết cách phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. 2. Nội dung: Một một số nội dung cơ bản về tội phạm; Phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.		
- GV: Hãy cho biết khái niệm về tội phạm?	- HS hiểu và làm rõ 3 ý chính là: + Xâm phạm độc lập, chủ quyền ... + Xâm phạm chế độ chính trị, QPAN ... + Xâm phạm quyền con người, lợi ích hợp pháp của công dân...	I. Một một số nội dung cơ bản về tội phạm. 1. Khái niệm tội phạm - Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lí hình sự.
- GV: Hãy cho biết về một số tội phạm mà em biết?	- HS liệt kê các loại tội phạm như: + Gây thương tích và giết người; mua bán ma túy, cướp, đánh bạc	2. Một số loại tội phạm - Một số loại tội phạm hiện nay như: Giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức đua xe trái phép, đánh bạc, tổ chức đánh bạc,...
- GV: Hãy cho biết về cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội	- HS liệt kê các cách thức hoạt động như: + Cấu kết thành các	3. Cách thức h/động phổ biến của các loại tội phạm - Cấu kết thành băng nhóm, tổ chức để hoạt động.

phạm?	bằng nhóm. + Hoạt động xuyên quốc gia và có tính chất quốc tế. + Sử dụng CNC	- Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện trong hoạt động phạm tội. - Hoạt động mang tính lưu động trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố, xuyên quốc gia và có tính chất q/tế. - Sử dụng công nghệ cao trong quá trình hoạt động phạm tội.
- GV: Hãy cho biết khái niệm về tội phạm sử dụng công nghệ cao?	- HS hiểu và làm rõ các hành vi nguy hiểm là: + Xâm phạm thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính. + Xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.	II. Phòng, chống tội phạm s/dụng công nghệ cao. 1. Khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao - Là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân và theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự.
- GV: Hãy cho biết một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay?	- HS liệt kê một số hành vi phạm tội như: + Lừa đảo chiếm đoạt tài sản + Đánh bạc, tổ chức đánh bạc + Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ + tuyên truyền thông tin, tài liệu sai đường lối, chính sách ...	2. Một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay - Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng - Đánh bạc, tổ chức đánh bạc trên không gian mạng. - Môi giới mại dâm trên không gian mạng. - Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. - Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- GV: Hãy cho biết một số hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và bị nghiêm cấm thực hiện?	- HS liệt kê được một số hành vi vi phạm bị nghiêm cấm như: + Sử dụng các phần mềm trái pháp luật. + Phát tán chương trình tin học gây hại + Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động + Có hành vi chiếm đoạt tài sản. + Sử dụng trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. + Sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện	3. Quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Một số hành vi vi phạm bị nghiêm cấm thực hiện: 1 Sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng, cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng trái pháp luật. 2 Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. 3 Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử. 4 Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông. 5 Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử người khác. 6 Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. 7 Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. 8 Sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.
Hoạt động 3: Luyện tập		
1. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học thông qua các câu hỏi luyện tập.		
2. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học.		
- GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận,	- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV	+ Câu 14: + Câu 15: + Câu 16:

<i>trả lời (file kèm theo ở phần ghi chú)</i>	<i>đề ra, sau đó đưa ra đáp án.</i>	
Hoạt động 4: Vận dụng		
1. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.		
2. Nội dung: Trả lời các câu hỏi (trắc nghiệm) liên quan đến bài học.		
<i>- GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời (file kèm theo ở phần ghi chú)</i>	<i>- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.</i>	+ Câu 14: + Câu 15: + Câu 16:

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú:

KẾ HOẠCH SỐ 6

(Tiết PPCT 6)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: HS hiểu và biết cách phòng, chống tệ nạn xã hội; biết được trách nhiệm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.
2. Về năng lực: HS biết tự chủ về học tập, biết phối hợp với nhóm để giải quyết vấn đề.
3. Về phẩm chất: Thông qua bài học, HS hiểu và cảnh giác được các loại tội phạm sử dụng CNC.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.
2. Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
Hoạt động 1: Khởi động		
1. Mục tiêu: HS biết được các khái niệm của các tệ nạn xã hội. 2. Nội dung: Em hãy cho biết, “Hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến, lan truyền, biểu hiện bằng những hành vi vi phạm pháp luật, lệch chuẩn mực xã hội, chuẩn mực đạo đức, gây nguy hiểm cho xã hội”, đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?		
➊ Chuyển giao NVHT - GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để sinh hoạt, thảo luận, phát biểu theo nhóm/tổ. ➋ Kết luận, nhận định - GV nhận xét các thảo luận, kết luận vấn đề.	➌ Thực hiện NVHT - Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề ➍ Báo cáo, thảo luận. - Sau khi thảo luận, các nhóm/tổ cử đại diện phát biểu.	Đáp án: A. Tệ nạn xã hội B. Bạo lực gia đình C. Bạo lực học đường D. Tội phạm hình sự.
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: HS hiểu và biết cách phòng, chống tệ nạn xã hội; biết được trách nhiệm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. 2. Nội dung: Cách phòng, chống tệ nạn xã hội; Trách nhiệm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.		
- GV: Hãy cho biết k/niệm tệ nạn xã hội?	- Các nhóm/tổ thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra.	III. Phòng, chống tệ nạn xã hội 1. Khái niệm tệ nạn xã hội: Là hiện tượng xã hội tiêu cực, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội.
- GV: Hãy cho biết khái niệm tệ nạn ma túy? - GV: Hãy cho biết khái niệm tệ nạn mại dâm? - GV: Hãy cho biết khái niệm tệ nạn cờ bạc? - GV: Hãy cho biết khái niệm tệ nạn mê tín dị đoan?	- HS tìm hiểu, thảo luận về các khái niệm như: + Tệ nạn ma túy + Tệ nạn mại dâm + Tệ nạn cờ bạc + Tệ nạn mê tín dị đoan	2. Một số loại tệ nạn xã hội - Tệ nạn ma túy: Là tình trạng một (hoặc nhiều) người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu tr/nhiệm hình sự - Tệ nạn mại dâm: Bao gồm những hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân - Tệ nạn cờ bạc: Bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi, giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. - Tệ nạn mê tín dị đoan: Bao gồm các hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí, không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường, dẫn đến cách ứng xử mang tính chất cuồng tín, hành động trái với những chuẩn mực của

		xã hội, không phù hợp với quy luật tự nhiên
- GV: Hãy cho biết các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội?	- HS liệt kê các hành vi mà pháp luật nghiêm cấm như: + Tệ nạn mại dâm. + Tệ nạn cờ bạc + Tệ nạn mê tín dị đoan	3. Quy định của P/luật về ph/chống tệ nạn xã hội - Đối với tệ nạn mại dâm: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,.. và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động mại dâm. - Đối với tệ nạn cờ bạc: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Đánh bạc trái phép (mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...), tổ chức đánh bạc, gá bạc,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tệ nạn cờ bạc. - Đối với tệ nạn mê tín dị đoan: Pháp luật nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: + Hoạt động mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,...); + Hành nghề mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,... để kiếm tiền)
- GV: Hãy cho biết trách nhiệm chung của công dân trong việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao?	- HS hiểu và làm rõ trách nhiệm của công dân như: Chấp hành các quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.	IV. Trách nhiệm phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. 1. Trách nhiệm chung của công dân - Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Trong đó, có các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.
- GV: Hãy cho biết trách nhiệm chung của công dân trong việc phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao?	- HS tìm hiểu và làm rõ trách nhiệm của mình như: + Chấp hành các quy định của pháp luật... + Không tham gia các tệ nạn xã hội + Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn + Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm	2. Trách nhiệm của học sinh - Học sinh cần chấp hành nghiêm túc trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. - Ngoài ra, học sinh cần học tập và thực hiện nghiêm túc một số quy định sau: + Không tham gia các tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội sử dụng công nghệ cao dưới bất kì hình thức nào, học tập và trên không gian mạng. + Không tham gia chia sẻ những thông tin trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng. + Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm sử dụng công nghệ cao nói riêng do nhà trường và lực lượng chức năng tổ chức. + Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội theo hướng dẫn của nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước. + Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm sử dụng công nghệ cao.
Hoạt động 3: Luyện tập		
1. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học thông qua các câu hỏi luyện tập.		
2. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học.		

- GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời (file kèm theo ở phần ghi chú)	- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.	+ Câu 14: A	+ Câu 15: A	+ Câu 16: B
Hoạt động 4: Vận dụng				
1. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. 2. Nội dung: Trả lời các câu hỏi (trắc nghiệm) liên quan đến bài học.				
- GV ra các câu hỏi (trắc nghiệm) để HS thảo luận, trả lời (file kèm theo ở phần ghi chú)	- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.	+ Câu 17: D	+ Câu 18: A	+ Câu 19: D

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú: